TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 8 - 2019.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Y**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Lê Thị Mỹ**

Bà Trần Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Đào Thị Ngọc Trâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2019 về "**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị Y**; sinh năm 1976 *(Có mặt)*

Nơi cư trú: Số 219 đường T, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn P**; sinh năm 1980 *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Phòng số 02- Nhà trọ số 18 đường N, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Văn P tự tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, việc chung sống không có tổ chức lễ cưới, sau đó có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01 ngày 16/6/2003.

Quá trình chung sống, giữa bà và ông P có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Phát Đ- sinh năm 1999 và Nguyễn Yến V- sinh ngày 08/5/2008. Tuy nhiên quan hệ hôn nhân giữa bà và ông P không hạnh phúc; nguyên nhân do ông P sống thiếu trách nhiệm, không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu về nhà đập phá đồ đạc, đánh đập, chửi mắng vợ con; từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột nhưng vì thương con bà tiếp tục quay về chung sống, cho ông P cơ hội sửa đổi nhưng ông P vẫn không thay đổi, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng bà đã sống ly thân đến nay khoảng 3-4 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Y xác định cháu Nguyễn Phát Đ đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời bà yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Yến V, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Y xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P và yêu cầu được quyền nuôi con chung Nguyễn Yến V; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn P:** Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ cư trú của ông P và tống đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến nay theo quy định pháp luật, tuy nhiên ông P không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn P vắng mặt.

*** Tại Biên bản lập ngày 27/6/2019, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Nguyễn Yến V (con chung giữa ông P và bà Y) như sau:** Cháu Yến V xác định đang sinh sống cùng mẹ và được chăm sóc tốt; cháu có nguyện vọng được sống cùng với bà Y nếu cha mẹ cháu ly hôn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá P biểu quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử và trong hồ sơ vụ án không có quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án. Diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, cho bà Y được ly hôn với ông P, đồng thời đề nghị giao con chung Nguyễn Yến V cho bà Y nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con bà Y không yêu cầu ông P cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung, bà Y xác định không có; nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Văn P; địa chỉ cư trú tại số 18 đường N, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà Y đồng ý xét xử vắng mặt ông P theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn P.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn P được xác lập trên cơ sở tự nguyện; tuy không tổ chức lễ cưới nhưng ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/6/2003, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Y, Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình chung sống vợ chồng bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn P đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn; nguyên nhân theo bà Y xác định do ông P sống thiếu trách nhiệm, không chăm lo làm ăn mà thường xuyên nhậu nhẹt về nhà đập phá đồ đạc và chửi bới, đánh đập vợ con; do không chịu đựng được bản tính bạo lực của ông P nên bà nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, tuy nhiên vì thương cho các con nên bà nhiều lần cho ông P cơ hội nhưng ông P vẫn không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng, vợ chồng bà đã sống ly thân trong một thời gian dài đến nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, do đó bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P. Quá trình giải quyết vụ án bà Y có đơn yêu cầu Tòa án không hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng bà và tại phiên tòa, bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, phía ông P đã trực tiếp nhận và được niêm yết các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, tuy nhiên ông P không có mặt theo giấy triệu tập và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc phản đối lời trình bày của bà Y và các chứng cứ do bà Y cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa bà Y

và ông P đã đến mức trầm trọng, ông bà đã không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; ông P cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; do đó đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà Y là có căn cứ; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, xử cho bà Y được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

[5] Xét yêu cầu của bà Y về việc nuôi con chung là cháu Nguyễn Yến V - sinh ngày 08/5/2008, Hội đồng xét xử nhận định:

Cháu Yến V hiện đang sống cùng bà Y, do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình chăm sóc, giáo dục con chung bà Y đã thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình; đảm bảo đầy đủ quyền, lợi ích hợp pháp cho cháu Yến V sinh sống, học tập và phát triển. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông P không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của bà Y về việc nuôi con chung. Tại phiên tòa, bà Y giữ nguyên yêu cầu về việc nuôi con chung và xác định đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc con, nên không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà Y là phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của cháu Yến V; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Yến V, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà Y, giao cháu Nguyễn Yến V cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng; bà Y không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung tên Nguyễn Phát Đ- sinh năm 1999, bà Y xác định cháu Đ đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, do đó không yêu cầu giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác định quá trình chung sống bà và ông P không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Do ông Nguyễn Văn P không có lời khai tại Tòa án và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nếu sau này ông P có yêu cầu về vấn đề con chung, về chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện độc lập.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn P.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung giữa bà Y và ông P là cháu Nguyễn Yến V - sinh ngày 08/5/2008 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Y không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Đối với con chung tên Nguyễn Phát Đ- sinh năm 1999 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, bà Y không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Y đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000434 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2019). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Y